

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 463/2018/HC-PT

Ngày 16 - 10 - 2018

VV khiếu kiện hành vi hành chính,
Quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Huy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 189/2017/TLPT-HC ngày 12 tháng 10 năm 2017 về “Khiếu kiện hành vi hành chính, Quyết định hành chính”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 6528/2017/QĐPT- HC ngày 05 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn A, sinh năm 1962;

2. Bà Vũ Thị A1 (vợ ông A), sinh năm 1963;

Địa chỉ: thôn X, xã Y, huyện Z, Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Phạm A3, sinh năm 1955; Địa chỉ: số 107 phố C, thành phố Hải Dương.

Có mặt ông A, ông Hiếu tại phiên tòa.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Z;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Z;

Do ông Nguyễn B, Chủ tịch UBND huyện Z tham gia tố tụng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông B1, Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường. Có mặt tại phiên tòa.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2015, đơn bổ sung ngày 05/11/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện là ông Trần Văn A, bà Vũ Thị A1 và người được ủy quyền là ông Phạm A3 trình bày:

Đất của gia đình ông đang sử dụng từ năm 1990 giáp đường GT, tại xã Y, huyện Z. Nguồn gốc do thôn X và UBND xã Y giao 121m² và ông Vũ D (lúc đó Trưởng thôn) thu của ông 40.000 đồng. Khi giao là cái chuôm, sau đó gia đình lấp chuôm sử dụng thêm, đến năm 2001 đo đạc có diện tích 266m².

Năm 2008, UBND huyện Z thu hồi đất để cải tạo đường GT, xác định gia đình đang sử dụng giáp đường có 33,6m² nhưng lại không ban hành Quyết định thu hồi cá biệt và bồi thường cho gia đình, chỉ hỗ trợ công vượt lập 50.000đồng/m²; năm 2010 UBND huyện Z chỉ giải quyết hỗ trợ cho gia đình ông 50.000đồng/m² (tổng số tiền gia đình ông nhận hỗ trợ là 1.680.000 đồng), với lý do đất của các hộ dân (trong đó có gia đình ông), thuộc đất hành lang giao thông do nhà nước quản lý. Ông đã cùng với các hộ dân khác trong khu vực có khiếu nại đến UBND huyện Z yêu cầu phải có Quyết định thu hồi đất cá biệt và được bồi thường về đất ở.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013, Chủ tịch UBND huyện Z đã không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông và các hộ dân khác. Ông và các hộ dân tiếp tục khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương trả lời khiếu nại của ông và các hộ dân, giữ nguyên quan điểm không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và không bồi thường về đất đối với đất hành lang giao thông thuộc phần đất tính từ tim đường đo ra 12,5m là chỉ giới giao thông.

Ông A, bà A1 yêu cầu tòa án giải quyết hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 901/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Z và hủy Quyết định 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương liên quan đến hộ gia đình ông; yêu cầu UBND huyện Z phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và bồi thường đất thu hồi theo giá đất ở cho gia đình ông.

- UBND huyện Z trình bày tại văn bản số 269/UBND ngày 19/5/2017:

Sau khi có Quyết định thu hồi đất tổng thể, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 893/QĐ-UBND ngày 30/8/2006 thành lập Ban giải phóng mặt bằng, đồng thời triển khai giao nhiệm vụ cho Ban giải phóng mặt bằng phối hợp với UBND xã Y tiến hành các quy trình về thu hồi đất như thông báo cho các hộ dân biết, đo đạc kiểm đếm, xác định loại đất, làm phương án đền bù, hỗ trợ việc thu hồi đất, tài sản

trên đất. UBND tỉnh Hải Dương có Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/2/2008 về việc thu hồi đất để cải tạo nâng cấp đường GT huyện Z, căn cứ bản xác định nguồn gốc đất lập ngày 04/01/2008 của UBND xã Y và hồ sơ quản lý sử dụng đất, UBND huyện Z xác định 33,6 m² gia đình ông A bà A1 đang sử dụng là đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn giao thông nên không phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt, gia đình được hỗ trợ công vượt lập 50.000đ/m² đất.

Sau khi nhận được đơn đề nghị của các hộ dân, Ban giải phóng mặt bằng đã xin ý kiến chỉ đạo của Sở, ngành có liên quan. Sau khi có ý kiến của sở TNMT, UBND huyện đã chỉ đạo UBND xã Y tiến hành rà soát lại nguồn gốc sử dụng đất của các hộ. Ban GPMB, UBND xã Y đã sử dụng bản đồ 299 làm căn cứ; qua thu thập xác định trên bản đồ 299 đường 194 cũ qua xã Y có bề ngang đường đoạn qua hộ ông A rộng 12,5m. Qua đó xác định hộ ông A có 0,22m² đất ở; 30,02m² đất thuộc hành lang giao thông. Căn cứ Điều 44 Luật đất đai 2003, Quyết định số 47/2009 của UBND tỉnh Hải Dương; trên cơ sở bản đồ 299, hồ sơ quản lý đất có liên quan, bản xác định nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã Y lập ngày 6/01/2010 và biên bản kiểm kê ban đầu, ban GPMB đường GT huyện đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho 27 hộ gia đình có đất ở được bồi thường; trong đó hộ gia đình ông Trần Văn A và bà Vũ Thị A1 diện tích đất ở thu hồi là 0,22m² tại Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 của UBND huyện Z; còn 30,2m² chiếm dụng đất hành lang giao thông theo nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982.

Việc UBND huyện Z không bồi thường mà chỉ hỗ trợ về đất đối với hộ Lý do gia đình không có tên trên bản đồ 299. Căn cứ biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006 đối với hộ ông A diện tích thuộc phạm vi GPMB là 33,6m² ($9,6 \times (3,4 + 2,9) : 2$; mặt đường hiện trạng là 6m). Căn cứ biên bản xác định nguồn gốc sử dụng đất của xã Y lập ngày 04/01/2008, xác định 33,6m² đất do hộ ông A sử dụng là đất hành lang giao thông nên Ban GPMB lập phương án hỗ trợ công vượt lập với đơn giá 50.000đồng/m².

Ông A bà A1 khiếu nại cùng với các hộ dân khác. Tại quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013, Chủ tịch UBND huyện Z về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân đã trả lời 7 nội dung khiếu nại, trong đó có nội dung trả lời về căn cứ xác định mốc hành lang giao thông đoạn qua xã chiều rộng 12,5m là đúng và việc không ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt đối với đất HLGTT là đúng. UBND huyện đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, căn cứ pháp luật để ban hành quyết định số 901/QĐ-UBND. UBND huyện Z có quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A bà A1.

- Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương trình bày tại văn bản số 1086/UBND ngày 27/4/2017:

Hộ ông A, bà A1 thuộc 93 hộ dân thôn X khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 901/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện với 2 nội dung: Khiếu nại việc sử dụng bản đồ 299 để xác định đường GT đoạn qua xã Y rộng 12,5m để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ là không

đúng và việc không ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt theo quy định tại Điều 32 Luật đất đai 2003.

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 với nội dung cơ bản:

+ Công nhận 02 tờ bản đồ 299 đoạn qua xã Y do cơ quan nhà nước lưu giữ chưa đảm bảo tính pháp lý và có nội dung thể hiện về chiều rộng đường GT không thống nhất; xác định các tài liệu hiện có đều không có đủ cơ sở pháp lý để xác định chính xác chiều rộng đường GT đoạn qua thôn X. Theo các tài liệu hiện có thì phạm vi bảo vệ đường GT ít nhất là 13m tính từ tim đường. Do vậy với cách tính hiện nay của UBND huyện Z sử dụng tờ bản đồ đo đạc dân cư số 11 thời kỳ 299 để xác định đường rộng 12,5m và bồi thường cho dân theo mốc 12,5m này tuy chưa đảm bảo cơ sở pháp lý nhưng lại có lợi cho người dân nên UBND tỉnh chấp nhận phương án này.

+ Toàn bộ 2.434m² của 93 hộ dân có đơn khiếu nại nằm trong phạm vi 6,25m tính từ tim đường đã bị thu hồi bởi Quyết định tổng thể số 591/QĐ-UBND ngày 21/2/2008 của UBND tỉnh. Do không đủ căn cứ pháp lý xác định chính xác chiều rộng đường GT đoạn qua xã Y thời kỳ 299 (bao gồm cả hành lang bảo vệ theo quy định), nên không có cơ sở để xác định nội dung công đo đạc khiếu nại UBND huyện Z không ban hành QĐ thu hồi đất riêng đến từng hộ là đúng hay sai. Tuy nhiên, để đảm bảo chặt chẽ, UBND tỉnh yêu cầu UBND huyện Z tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ, bồi thường bổ sung về đất đối với các hộ nằm trong phạm vi đường 12,5m nhưng đã sử dụng đất trước ngày 21/12/1982 và đã thể hiện trên bản đồ 299 (nếu có).

Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương có quan điểm: Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND là đúng quy định, phù hợp thực tiễn sự việc.

- Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 18/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Căn cứ Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 4 Điều 50, Điều 13 Luật đất đai 1987; Nghị định 203/HĐBT năm 1982; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A và bà Vũ Thị A1 về các yêu cầu cụ thể như sau:

- Buộc UBND huyện Z phải ban hành quyết định thu hồi đất cá biệt và phải bồi thường theo giá thị trường hiện nay đối với diện tích đất bị thu hồi 33,6m².

- Hủy một phần quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 26/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Z về giải quyết khiếu nại lần 1 đối với khiếu nại của ông Trần Văn A và bà Vũ Thị A1.

- Hủy một phần quyết định 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về giải quyết khiếu nại lần 2 đối với khiếu nại của ông Trần Văn A và bà Vũ Thị A1.

- Về án phí: Ông Trần Văn A và bà Vũ Thị A1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hành chính, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2014/0003332 ngày 16/3/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Bản án còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Đơn kháng cáo ngày 29/8/2017, ông Trần Văn A đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc gia đình được xã Y đồng ý cho thôn giao đất, có thu tiền sử dụng đất ngày 28/12/1990, tiền thu được thôn dùng lát đường đi chung của thôn. Thời điểm này chưa phải đất hành lang giao thông, năm 1991 mới có chỉ thị của UBND tỉnh và năm 1996 mới cắm mốc. Do đó, UBND huyện Z thu hồi đất ở của gia đình ông nhưng không bồi thường theo giá đất ở mà chỉ hỗ trợ là không đúng pháp luật.

Ông Trần Văn A xuất trình “Đơn đề nghị” của ông lập ngày 16/3/2018, có xác nhận của ông Đỗ D1 nguyên Trưởng thôn X với nội dung: Ông A “mua” 266m² đất công, ông đã “bán” 80 m² cho anh Đặng Q, hiện ông A còn lại 186m², gia đình đóng thuế đất đầy đủ hàng năm.

- UBND huyện Z có văn bản trình số 318/UBND-TNMT ngày 13/7/2018, thay thế văn bản trình bày số 269/UBND-TNMT ngày 19/5/2017 (không có đoạn có nội dung hộ ông A có 0,22m² đất ở bị thu hồi tại Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 và có 30,2m² chiếm dụng đất hành lang giao thông). UBND vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày về việc không ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 33,6m² đất mà hộ ông A yêu cầu là do đất thu hồi là đất hành lang giao thông; diện tích đất này không nằm trong 266m² đo đạc năm 2001.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Ông Trần Văn A, đại diện theo ủy quyền là ông Phạm A3 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu UBND huyện phải ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt 33,6m² và bồi thường cho ông với giá đất ở. Ông A xác nhận khi giao đất không đo đạc, quá trình sử dụng đất ông có lấn xung quanh đến năm 1994 đo thực tế là 121m²; đến 2001 đo thực tế là 266m²; sau đó chuyển nhượng cho anh Q 80m². Ông xác nhận đúng biên bản kiểm kê ngày 21/9/2006, UBND huyện đo đạc thu hồi 33,6m² đất ở vị trí sát mép đường nhựa trở ra, là đất trống nhưng gia đình sử dụng và gia đình ông vẫn còn nhà, đất phía sau là 186m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Z và của Chủ tịch UBND huyện Z trình bày: Vị trí đất do thôn X và UBND xã Y bán trái thẩm quyền không có sơ đồ kích thước nhưng thực tế ông A đã lấn chiếm đất do UBND xã quản lý rất nhiều, đều lần sau 15/10/1993 nên việc công nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc trái pháp luật phải theo đúng quy định của pháp luật. Toàn bộ đất ông A sử dụng đo đạc năm 2001 là 266m² lớn hơn rất nhiều đất giao trái thẩm quyền, năm 2006 đo xác định 33,6m² đất từ lề đường nhựa ra là đất giao thông, chưa đo đến vị trí thửa đất đo đạc năm 2001. UBND xác định đất thu hồi là đất công do UBND quản lý, nên không ban hành Quyết định thu hồi cá biệt và bồi

thường đất ở là đúng. Đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Tại cấp sơ thẩm, UBND huyện đã trình bày có Quyết định số 2848/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 thu hồi 0,22m² đất ở của hộ ông A nhưng Tòa án không yêu cầu UBND xuất trình tài liệu này; không thu thập hồ sơ thu hồi đất, kiểm đếm, bồi thường. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định về nội dung, việc thu hồi trên thực tế đất có thuộc diện tích đất ông A được giao trái thẩm quyền hay không.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người khởi kiện, áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của các bên; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Hộ gia đình ông Trần Văn A sử dụng đất tại khu vực UBND huyện Z có phần nằm trong 2.434m² bị thu hồi bởi Quyết định số 591/QĐ-UBND ngày 21/2/2008 của UBND tỉnh Hải Dương để mở rộng đường GT. Cho rằng UBND huyện Z không ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt và không bồi thường về đất theo đúng quy định của pháp luật, ông A, bà A1 đã có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương. Khiếu nại của ông A, bà A1 đã được giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 901/QĐ - UBND ngày 23/3/2013 của Chủ tịch UBND huyện Z, Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

Ngày 25/3/2015, ông A, bà A1 có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 và Quyết định số 901/QĐ- UBND ngày 23/3/2013 phân đối với gia đình ông; yêu cầu buộc UBND huyện Z phải ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với phần đất thực tế đã thu hồi của gia đình. TAND tỉnh Hải Dương đã thực hiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 64 ngày 25/8/2016 của Chánh án TAND cấp cao tại Hà Nội, thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Văn bản số 269/UBND ngày 19/5/2017 của UBND huyện Z gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương có nội dung nhằm lẫn với vụ án khác (nêu về Quyết định thu hồi cá biệt số 2848/QĐ-UBND ngày 14/12/2010 là đối với hộ ông A, bà A1). Tại cấp phúc thẩm, người bị kiện đã có văn bản thay thế văn bản trình bày ý

kiến trước đây và tại phiên tòa ông A cũng đã trình bày gia đình ông không có Quyết định thu hồi đất cá biệt nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy nên không cần thiết phải thu thập Quyết định này. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc kiểm tra chứng cứ tài liệu liên quan đến vụ án do đương sự cung cấp.

[2] Về thẩm quyền:

UBND huyện Z thực hiện quy định của Luật đất đai trong lĩnh vực thu hồi đất theo thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 44, Điều 138 Luật đất đai 2003; Chủ tịch UBND huyện Z và Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[3.1]. Xem xét về tính hợp pháp khi thực hiện thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện Z :

- Về nguồn gốc đất: Ông A cho rằng thửa đất số 144 giáp đường GT thuộc địa phận xã Y do gia đình ông sử dụng có nguồn gốc được UBND xã giao năm 1990. Theo quy định tại Điều 13 Luật đất đai 1987, UBND xã không có thẩm quyền giao đất nên việc UBND xã giao đất cho ông A, bà A1 ngày 28/12/1990 là trái thẩm quyền.

- Theo nội dung giấy viết đề ngày 28/12/1990 của ông Vũ D (là trưởng thôn; tài liệu do người khởi kiện xuất trình), thì đất ông A được giải quyết cho sử dụng *canh chuôm 6m đất chiều dài mặt đường chiều sâu đến hết chuôm, ...anh Lý không được lấp cống... có trách nhiệm quản lý chuôm bảo đảm sản xuất cho Đội*. Ông A xác định thôn không đo đạc khi giao đất nhưng năm 1993 (Bút lục 241) đo đạc là 121m². Theo sổ sách nộp thuế thì năm 1994, ông Trần Văn A cũng chỉ nộp thuế 121m², do đó xác định ông tiếp tục mở rộng đất (ông cho rằng chỉ lấn ao chuôm phía sau) sau năm 1994 đến khi đo đạc lập bản đồ địa chính vào năm 2001 (BL 244), thửa đất sử dụng mang số 144, diện tích 266m² giáp đường. So sánh các chiều của thửa đất, thể hiện ông A đã lấn cả chiều rộng và chiều dài phần đất được giao và mặc dù giấy giao đất ghi rõ không được lấn, lấp ruộng để canh tác.

Tại cấp phúc thẩm, ông A thừa nhận đã “bán” 80m² đất cho ông Q vào năm 2005, hiện ông vẫn còn 186m²; đất thu hồi 33,6m² là phần đất trồng nằm trước nhà hiện gia đình ông đang sử dụng. Theo trích lục bản đồ địa chính khu đất đo năm 2007, thì thửa 144 nằm bên trong, phía ngoài là thửa 152, là đất ao của UBND quản lý giáp đất hành lang giao thông đã có mốc giới quy hoạch theo Nghị định 203/HĐBT năm 1982.

Như vậy, đủ cơ sở xác định 33,6m² đất được đo đạc theo biên bản ngày 21/9/2006, không thuộc đất gia đình ông A “mua” năm 1990 và đã sử dụng trước năm 2001 mà là đất của Nhà nước do UBND xã Y quản lý.

- Mặt khác, theo quy định tại Điều 16 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, đất được giao trái thẩm quyền *nếu sử dụng ổn định trước 15/10/1993, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch thì đủ điều kiện được*

cấp GCN đối với diện tích đất được giao; được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất.

[3.2] Với các phân tích trên, UBND huyện Z không ban hành Quyết định thu hồi đất cá biệt đối với 33,6m² đất và không bồi thường về đất ở cho gia đình ông A, bà A1 là có căn cứ; nên cũng không có căn cứ hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND huyện Z và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương theo yêu cầu của người khởi kiện.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông A là đúng, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông A. Ông phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Văn A. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2017/HC-ST ngày 18/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số AA/2016/0001094 ngày 09/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/10/2018.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

-